

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu
Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hủa Na.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-HHC ngày 20/3/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-HHC ngày 21/3/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc Thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu gói thầu: Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo đánh giá năng lực nhà thầu gói thầu: Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hủa Na ngày 22/3/2023 của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu: Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hủa Na ngày 24/3/2023 giữa Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na với Công ty TNHH một thành viên Tư vấn thiết kế và Xây dựng Quang Trang;

Căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế tại Nhà máy thủy điện Hủa Na;

Xét Tờ trình số 37/TTr-TCGLCNT ngày 24/3/2023 của Tổ chuyên gia lựa chọn



nhà thầu về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na với các nội dung chính như sau:

I. Kết quả chỉ định thầu.

- Nhà thầu trúng chỉ định thầu: Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn thiết kế và Xây dựng Quang Trang.
- Địa chỉ: Số 2B, ngõ số 3, đường Siêu Hải, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Mã số thuế: 2900988410.
- Giá trúng chỉ định thầu sau thuế GTGT (10%): **447.198.991** đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi một đồng./.

II. Nội dung hợp đồng.

1. Nội dung và khối lượng công việc

Bên nhận thầu nhận thực hiện việc Sửa chữa và cải tạo mái Kênh xả nhà máy thủy điện Hòa Na theo Phương án kỹ thuật được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi được Bên giao thầu chấp thuận) đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên nhận thầu phải nộp bản gốc bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 3% giá trị hợp đồng cho Bên giao thầu sau khi hợp đồng đã được ký kết. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên giao thầu chấp thuận.

+ Hình thức bảo đảm: Bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc đặt cọc bằng Séc hoặc bằng tiền mặt.

+ Đồng tiền bảo đảm: đồng tiền Việt Nam.

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na. Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Bên nhận thầu đã thi công, hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Bên giao thầu nghiệm thu đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

- Bên nhận thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng.

- Bên giao thầu phải hoàn trả cho Bên nhận thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên nhận thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

3. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

3.1. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng sau thuế GTGT là: **447.198.991 đồng.**

Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi một đồng./.

Trong đó:

+ Trước thuế :	406.544.537 đồng;
+ Thuế GTGT (10%):	40.654.454 đồng.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

Hợp đồng này là Hợp đồng trọn gói.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên nhận thầu và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật, giá hợp đồng đã được giảm giá 3% cho từng đơn giá trong Quyết định số 69/QĐ-HHC ngày 20/3/2023;

3.2. Tạm ứng

Bên giao thầu, tạm ứng cho Bên nhận thầu 30% giá trị hợp đồng sau thuế tương ứng với số tiền là **134.159.697 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng*) trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Bên giao thầu nhận được các chứng từ sau: Bảo đảm thực hiện hợp đồng (01 bản gốc và 03 bản sao công chứng) hoặc tài liệu chứng minh bên B đã đặt cọc theo quy định; Công văn đề nghị tạm ứng của Bên nhận thầu (04 bản gốc).

3.3. Thanh toán

Bên giao thầu thanh toán cho Bên nhận thầu đến 90% giá trị hoàn thành (bao gồm cả tạm ứng) cho mỗi đợt nghiệm thu hoàn thành giai đoạn. Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu giai đoạn nhân với đơn giá trong hợp đồng.

Sau khi hạng mục công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, hai bên hoàn thành lập hồ sơ nghiệm thu quyết toán A-B, Bên giao thầu sẽ thanh toán đến 95% giá trị hoàn thành được quyết toán (bao gồm cả tạm ứng, thanh toán giai đoạn), 5% giá trị hoàn thành còn lại được giữ lại để bảo hành công trình theo quy định.

Trường hợp Bên nhận thầu nộp bảo lãnh bảo hành có thời hạn trong thời gian bảo hành theo quy định từ một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bên giao thầu chấp thuận, Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu 5% giá trị bảo hành công trình.

Các điều, khoản, nội dung khác theo như dự thảo hợp đồng kèm theo Tờ trình của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu.

Điều 2: Giao cho các Phòng, Phân xưởng, Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu phối hợp với Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn thiết kế và Xây dựng Quang Trang triển khai thực hiện nội dung được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành và của Công ty.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng/Phân xưởng, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT HĐQT, TBKS (để b/c);
- Lưu VT, HS.



PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA
GÓI THẦU: SỬA CHỮA VÀ CẢI TẠO MÁI KÊNH XẢ NHÀ MÁY
(Kèm theo Quyết định số 79 /QĐ-HHC ngày 24/3/2023)

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
I	Xử lý phạm vi thu hẹp dòng chảy:				
1	Phá dỡ kết cấu đá xây bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m ³	41,998	586.010	24.611.339
2	Đào đá chiều bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph - Cấp đá III	m ³	96,300	885.962	85.318.137
3	Vận chuyển đá thải bằng thủ công 10m khởi điểm - Vận chuyển đá thải (độ dốc 20%)	m ³	138,298	98.327	13.598.428
4	Vận chuyển đá thải bằng thủ công 10m tiếp theo - Vận chuyển đá thải các loại, cự ly 30m (độ dốc 20%)	m ³	138,298	31.233	4.319.501
5	Xúc đá thải lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m ³	100m ³	1,383	1.636.949	2.263.871
6	Vận chuyển đá ra bãi thải, ô tô tự đổ 12T trong phạm vi 500m	100m ³	1,383	1.938.599	2.681.048
7	San đá bãi thải bằng máy ủi 110CV	100m ³	1,383	277.347	383.566
8	Bê tông mái kênh xả, bê tông M250, đá 1x2, PCB40, có phụ gia đông kết nhanh Sikamen NN	m ³	47,403	2.631.693	124.751.415
II	Xử lý phạm vi mái cơ bị sụt lún:				
9	Ván khuôn bê tông mái kênh xả	100m ²	1,451	6.887.815	9.993.641
10	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m ³	35,745	586.010	20.946.917
11	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Vận chuyển đá thải (độ dốc 20%)	m ³	35,745	98.327	3.514.694
12	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Vận chuyển đá thải các loại, cự ly 30m (độ dốc 20%)	m ³	35,745	31.233	1.116.432
13	Xúc đá thải lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m ³	100m ³	0,357	1.636.949	585.128
14	Vận chuyển đá ra bãi thải, ô tô tự đổ 12T trong phạm vi 500m	100m ³	0,357	1.938.599	692.952
15	San đá bãi thải bằng máy ủi 110CV	100m ³	0,357	277.347	99.138
16	Bê tông đổ bù các vị trí sụt lún, M150, đá 4x6, PCB40	m ³	17,048	1.804.011	30.754.776
17	Xây mái kênh xả bằng đá hộc, vữa XM M100, PCB40	m ³	35,745	2.263.633	80.913.553
A	CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ (I+II)				406.544.537
B	THUẾ VAT (10%): A x 10%				40.654.454
C	CỘNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ (A+B)				447.198.991

